

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 10/4/2023

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1992 (Xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Y, tỉnh BG

Địa chỉ cư trú: thôn Bình Tân, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Người đại diện cho chị L nhận văn bản tố tụng: Luật sư Chu Văn H - Công ty Luật TNHH Dân Việt - Đoàn luật sư TP Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Y, tỉnh BG. Anh T hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh T tại Việt Nam: Thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Y, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15/5/2023 chị và anh Nguyễn Tiến T đăng ký kết hôn tại UBND xã Tư Mại, huyện Y trên cơ sở tự do tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn chị về sinh sống tại nhà chồng ở thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Y.

Tuy nhiên, sau thời gian ngắn kết hôn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống. Tình trạng mâu thuẫn mặc dù đã được cả hai vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn vẫn kéo dài. Tháng 8/2018 anh Nguyễn Tiến T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng lại thêm xa cách về khoảng cách địa lý, không được gần gũi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Từ tháng 9/2018 đến nay chị và anh T không còn liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Theo chị biết thì anh T lao động bất hợp pháp bên Đài Loan, không cho chị biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu nên chị không cung cấp được cho Tòa án. Nay chị thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 22/6/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị tại thôn Bình Tân, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay do anh T đang ở nước ngoài giấu địa chỉ và vắng mặt tại Tòa án nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

* Bị đơn là anh Nguyễn Tiến T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh T đến nay không nhận được thông tin của anh T.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh T là bà Phạm Thị X, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Y, tỉnh BG, bà có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ của anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1989, anh T hiện không có mặt tại địa phương và đang sinh sống làm ăn tại Đài Loan từ năm 2018 đến nay chưa về nước. Mẹ con bà vẫn thường liên hệ qua mạng xã hội, về địa chỉ của anh T ở Đài Loan thì anh T không cho bà biết nên bà không cung cấp cho Tòa án được. Bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh BG,

về việc ly hôn là quyền của vợ chồng Lý Thành bà không can thiệp. Về con chung bà đề nghị Tòa án xem xét giao cho anh T và chị L mỗi người nuôi một cháu, khi anh T ở nước ngoài thì bà sẽ nhận trách nhiệm thay anh T nuôi con chung cho đến khi anh T về nước. Về tài sản chung của vợ chồng chị L, anh T không có gì.

* Tòa án tiến hành làm việc với con chung của chị Trần Thị L và anh Nguyễn Tiến T là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 22/6/2015. Các cháu trình bày hiện nay đang ở với mẹ tại thôn Bình Tân, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, việc học tập, điều kiện sinh sống của các cháu được mẹ chăm sóc đầy đủ và các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh T vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Xử:

Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị L là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Tiến T. Bị đơn anh

Nguyễn Tiến T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Y, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 3584/QLXNC-P5 ngày 22/02/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh T đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 01/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Tiến T được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với bà Phạm Thị X là mẹ đẻ của anh T xác định bà vẫn thường liên hệ với anh T qua mạng xã hội, về địa chỉ của anh T ở Đài Loan thì anh T không cho bà biết nên bà không cung cấp cho Tòa án được. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Tiến T đăng ký kết hôn ngày 15/5/2013 tại UBND xã Tư Mại, huyện Y, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T. Xem xét đơn khởi kiện của chị L, HĐXX thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc và vợ chồng anh đã có 02 con chung, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày. Tháng 8/2018, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay không về nước lần nào. Hiện chị L và anh T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Chị L xác định hiện nay không còn liên lạc gì với anh T nữa. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

[4]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 22/6/2015. Sau khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi con chung; bà Phạm Thị Xuân mẹ anh T đề nghị giao cho mỗi người nuôi một con chung. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh T không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể. Cháu Gia B và cháu Gia L đang ở ổn định với chị L và cháu cũng có nguyện vọng

được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 22/6/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, **81, 82, 83** và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000860 ngày 13/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BG.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Tiến T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Trần Thị L cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG
- UBND xã Tư Mại, huyện Y;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường